

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/DS-PT**
Ngày 25/3/2022
V/v: *Tranh chấp HĐ thầu khoán
và vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.
Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương.
Bà Lê Thị Thủy.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phi. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLPT-DS ngày 07/01/2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng thầu khoán và vay tài sản” do Bản án sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 02/12/2022 của TAND Thành phố Sầm Sơn bị kháng cáo và kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐ-PT ngày 10/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH P.T.

Địa chỉ: Thôn Đ.T, xã L.S, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người đại diện theo PL:* Ông Luyện Hữu K. Giám đốc. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Duy B – sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số nhà...T.H.Đ, khu phố T.X, phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần.

Địa chỉ: Số....P.C.T, phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa.

- *Người đại diện theo PL:* Ông Đ.Đ.T - Chủ tịch HĐQT.

- *Người được ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông P.V.T – Phó Tổng Giám đốc.
Theo Giấy ủy quyền của Chủ tịch HĐQT. Có mặt.

3. 2. Ông Nguyễn Đức D – sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Đ.T, xã L.S, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

3. 3. Bà Đỗ Thị D1 – sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà... nhà...., khu Chung cư P.S, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa các đương sự trình bày:

1. Nguyên đơn Công ty TNHH P.T trình bày: Từ năm 2009 đến năm 2013 tôi và ông Vũ Duy B ký kết các Hợp đồng kinh tế thầu khoán tại các hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng số 01/HĐVC ngày 08/11/2009; Hợp đồng số 02/HĐVC ngày 01/6/2010 và Hợp đồng số 02/HĐVC ngày 01/12/2013 về việc: “Vận chuyển hàng hóa vật tư là đất đá để phục vụ cho việc đắp đê Sông Mã tại địa bàn thành phố Thanh Hóa”. Kết thúc việc thầu khoán căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/3/2011 số tiền ông phải thanh toán cho công ty tôi là: 2.478.000đ và biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/12/2013 số tiền phải thanh toán là: 280.987.000đ. Tuy nhiên tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/3/2011 ông B mới thanh toán cho công ty tôi được: 1.584.650.000đ. Tại giấy cam kết ngày 16/10/2012 ông B còn nợ tôi: 893.438.000đ và tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/12/2013 ông B còn nợ tôi: 280.987.000đ.

- Về khoản vay: Căn cứ giấy vay nợ đề ngày 08/3/2013 là: 50.000.000đ và ngày 13/7/2013 là: 15.000.000đ.

Tổng cộng số tiền buộc ông B phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty TNHH P.T là: 1.239.425.000đ. và yêu trả lãi xuất kể từ khi khởi kiện cho đến khi có quyết định của Tòa án.

Ngày 22/6/2021 ông K bổ sung đơn khởi kiện buộc ông B phải có trách nhiệm trả nợ số tiền là: 1.639.000.000đ.

Ngày 03/9/2021 ông K bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu ông B phải có trách nhiệm trả nợ số tiền là: 1.564.731.500đ.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông K bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu ông B trả nợ số tiền là không có sự thống nhất so với phạm vi đơn khởi kiện ban đầu đề ngày 01/4/2021, nên Tòa án đề nghị ông K liệt kê cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết thêm ngoài đơn khởi kiện ban đầu những khoản tiền nào thì ngày 12/10/2021 ông K yêu cầu giải quyết buộc ông B phải trả thêm khoản vay: 400.000.000đ tại đơn xin vay tiềm mặt đề ngày 25/8/2010 và có đơn đề nghị xin chốt đơn khởi kiện bổ sung và xin cam đoan không kiện thêm khoản nào khác, do vậy ông K đã nộp tiền tạm ứng án phí cho khoản tiền bổ sung đơn khởi kiện là: 400.000.000đ và Tòa án đã ra Thông báo thụ lý cho nội dung bổ sung đơn khởi kiện của ông K để giải quyết trong cùng một vụ án.

Tại đơn đề nghị đề ngày 22/6/2021 và ngày 12/10/2021 ông K trình bày: Đối với số tiền 845.000.000đ tại biên bản bàn giao tiền ngày 16/4/2010 do ông Nguyễn Ngọc D ký nhận, ông K đề nghị đưa anh D vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì ông K cho rằng anh D là con rể ông B nhận tiền của ông K về đưa lại cho ông B nên nếu ông B trả 893.438.000đ thì anh D không phải trả 845.000.000đ, nếu anh D trả 845.000.000đ thì ông B không phải trả 893.438.000đ, mà ông B chỉ cần trả thêm số tiền: 48.438.000đ bù vào cho đủ 893.438.000đ.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, ông K còn cung cấp thêm một số tài liệu chứng cứ khác như: (Hợp đồng vận chuyển vật tư số 03/HĐKT ngày 10/11/2009 Hợp đồng kinh tế số 69 ngày 15/11/2009; Bảng nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn ngày 31/12/2009; Hợp đồng kinh tế ngày 20/12/2012; Bảng tổng hợp khối lượng chở đất đắp đê đợt 3 và các giấy vay tiền khác). Lý do cung cấp để chứng minh về số tiền mà ông K đã nhận tại bản sao kê của Ngân hàng với số tiền là: 3.271.478.175đ.

2. Bị đơn ông Vũ Duy B trình bày: Về khoản tiền hợp đồng thầu khoán: Tôi và ông K ký hợp đồng thầu khoán từ năm 2009 đến năm 2013 thì chấm dứt, số tiền tôi phải thanh toán cho ông K theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/12/2013 là: 280.897.100đ và theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/3/2011 số tiền là: 2.478.088.000đ. Tổng cộng: 2.759.075.000đ. Nay ông K căn cứ vào giấy cam kết ngày 16/10/2012 với số tiền: 893.438.000đ, là không đúng vì lúc đó tôi chưa đối chiếu công nợ giữa Công ty đô thị và tôi vì quá tin tưởng ông K nên tôi mới viết giấy cam kết này. Đối với số tiền: 280.897.100đ của hợp đồng đợt 3 tôi cũng đã thanh toán đủ cho ông K. Vì vậy tôi không chấp nhận yêu cầu này của ông K.

- Quá trình làm ăn tôi phải vay tiền của Công ty đô thị. Vì vậy, Công ty đô thị đã chuyển tiền cho ông K tại Ngân hàng theo đề nghị của tôi. Tổng cộng ông K đã nhận là: 3.271.478.175đ. Trong khi tôi chỉ phải trả cho ông K: 2.759.075.000đ. Như vậy, Công ty đô thị đã chuyển thừa: 512.403.175đ cho ông K. Số tiền thừa này tôi yêu cầu ông K phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty đô thị để tôi làm nghĩa vụ đối trừ nợ với Công ty đô thị. (Bởi vì quá trình làm ăn tôi phải vay tiền của công ty đô thị).

- Khoản tiền vay 15.000.000đ và 50.000.000đ tôi xin nhận nợ và sẽ có trách nhiệm trả cho ông K.

- Đối với khoản tiền 400.000.000đ tại giấy vay đề ngày 25/8/2010, là do ông K nói với tôi “Hiện nay để giải quyết khó khăn, tôi sẽ đi vay tiền cho anh để anh thanh toán cho lái xe vì lái xe không có lương nên họ giục nhiều quá và anh phải trả lãi xuất về số tiền vay này cho tôi”. Khi ông K nói như vậy nên tôi đồng ý và thực tế tôi đã trả lãi cho ông K được 02 tháng, một thời gian sau ông K có cầm số tiền vay của chị Hiền cho tôi xem và nói để trả cho lái xe và coi như số tiền này là do ông K đi vay hộ tôi và ông K yêu cầu tôi viết vào giấy vay tiền của chị Hiền, số tiền này tôi hoàn toàn không chấp nhận vì ông K tự đi vay và tự sử dụng, còn tôi chỉ trả lãi cho ông K vì thế tôi không chấp nhận trả cho ông K số tiền này.

- Đối với khoản tiền: 845.000.000đ tại biên bản bàn giao tiền ngày 16/4/2010 do Nguyễn Đức D (con rể tôi) ký nhận, tôi không biết, không được nhận khoản tiền này từ anh D nên tôi không đồng ý trả cho ông K.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Đỗ Thị D1 trình bày: Việc ký hợp đồng thầu khoán giữa ông K và ông B như thế nào tôi không biết, tôi chỉ ký xác nhận 240 phiếu vận chuyển đất ngày 14/3/2013 là đúng còn khối lượng bao nhiêu tôi không biết và ngày 14/3/2013 ông

B nhờ tôi đến chỗ ông K cầm hộ 50.000.000đ mang về cho ông B và ông K đề nghị tôi ký nhận hộ là đúng sự thật.

- *Anh Nguyễn Đức D trình bày:* Tên tôi là Nguyễn Đức D chứ không phải Nguyễn Ngọc D, tôi không vay mượn tiền của ai cả, tôi chỉ là người lái xe vận chuyển vật liệu ở công trường, còn về việc cầm hộ tiền lên công trường thì cũng có 1 vài lần được ông Vũ Duy B nhờ tôi cầm hộ tiền từ anh Luyện Hữu K để mang lên công trường có lần thì sáu, bảy chục triệu, có lần một vài trăm triệu, sự việc cũng đã lâu lắm rồi tôi không nhớ nữa nhưng chưa lần nào tôi cầm một lúc bảy, tám trăm triệu đồng cả. Tôi đề nghị ông K khởi kiện tôi bằng một vụ kiện khác, tôi sẽ làm các thủ tục tố tụng sau.

- *Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty Cổ phần trình bày:* Do ông Vũ Duy B và ông K ký hợp đồng thầu khoán với nhau. Quá trình làm ăn ông Vũ Duy B phải vay tiền của Công ty chúng tôi và đề nghị Công ty chuyển tiền vào tài khoản cho ông K. Vì vậy, Công ty đã chuyển tiền tại Ngân hàng nông nghiệp với số tiền là: 1.495.400.675đ và tại Ngân hàng Công Thương với số tiền là: 1.776.075.000đ. Tổng cộng là: 3.271.478.175đ, cho ông K. Việc ký hợp đồng thầu khoán giữa ông B và ông K, Công ty không sát sao mà chỉ biết chuyển tiền theo đề nghị của ông B. Nếu số tiền chuyển dư so với Hợp đồng thầu khoán thì yêu cầu ông K phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty để Công ty làm nghĩa vụ đối trừ nợ cho ông B. Nội dung chuyển tiền tại các giấy ủy nhiệm chỉ là chuyển tiền hợp đồng thầu khoán nên đề nghị tách khoản vay riêng giữa ông B và ông K để giải quyết khoản nào ra khoản đấy.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn đã quyết định:**

Căn cứ: - Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471; Điều 474; Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688; Điều 429 và Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 19; điểm b khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Luyện Hữu K về việc vay tài sản. Buộc ông Vũ Duy B phải có trách nhiệm trả cho ông Luyện Hữu K số tiền: 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng nợ tiền thầu khoán của ông Luyện Hữu K, đối với khoản tiền tại giấy cam kết ngày 16/10/2012 với số tiền: 893.438.000đ và tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/12/2013 với số tiền: 280.987.000đ.

Buộc ông Luyện Hữu K phải có trách nhiệm trả lại số tiền: 512.403.175đ (Năm trăm mười hai triệu, bốn trăm linh ba nghìn, một trăm bảy lăm đồng) cho Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần Thanh Hóa.

Về án phí: Ông Luyện Hữu K phải chịu 47.232.750đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được trừ đi 24.585.000đ ông K đã nộp tại biên lai thu

số AA/2019/0004275 ngày 01/4/2021 và 10.000.000đ tại biên lai thu số: AA/2021/0013118 ngày 13/10/2021. Ông K còn phải chịu 12.647.750đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Sau khi xét xử, bản án bị kháng cáo và kháng nghị như sau:**

1. Công ty TNHH P.T (Nguyên đơn) kháng cáo: Đề nghị xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn và xét xử theo hướng: Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện. Không buộc Cty TNHH P.T phải trả số tiền 512.000.000đ cho Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần vì không có yêu cầu độc lập, không nộp án phí là vi phạm Điều 200, 201, 202 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ông Vũ Duy B (Bị đơn) kháng cáo: Không đồng ý với Bản án sơ thẩm vì buộc ông phải trả nợ là không đúng thực tế và không có căn cứ. Đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án để đảm bảo quyền lợi cho ông.

3. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 15/12/2021 với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cty TNHH P.T, buộc ông Vũ Duy B phải trả số tiền 839.438.000đ và 280.987.000đ.

- Không buộc Cty TNHH P.T phải trả cho Tổng Cty đầu tư và phát triển đô thị – CTCP số tiền 512.403.175đ.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và không thỏa thuận hòa giải được nội dung nào của vụ án nên đề nghị xét xử theo pháp luật.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của Nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn đều trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Do cấp sơ thẩm trong quá trình xét xử có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án, tuyên bản án không đủ cơ sở và sửa chữa bản án không đúng quy định nên không thể khắc phục được tại giai đoạn phúc thẩm.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 02/12/2021 của TAND Thành phố Sầm Sơn, giao hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và không thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo, kháng nghị:

2.1. *Xét về quá trình thụ lý, giải quyết tại cấp sơ thẩm :*

- Ngày 01/4/2021, Công ty TNHH P.T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Duy B phải có trách nhiệm trả nợ tiền Hợp đồng thầu khoán với số tiền: 1.239.425.000đ và lãi suất theo quy định từ ngày khởi kiện cho đến khi có quyết định của Tòa án (trong đó có 893.438.000đ theo giấy xác nhận nợ ngày 16/10/2012 và 345.987.000đ gồm các khoản tiền đối chiếu công nợ ngày 21/12/2013 với số tiền 280.987.000đ, khoản vay ngày 08/3/2013 với số tiền là 15.000.000đ và khoản vay 50.000.000đ tại giấy vay ngày 13/7/2013.

- Ngày 12/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại số 04/2021/TLST-KDTM về việc “Tranh chấp hợp đồng thầu khoán” giữa nguyên đơn là Công ty TNHH P.T và bị đơn là ông Vũ Duy B, đồng thời thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BL110).

- Ngày 23/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có thông báo số 34/TB-TA bổ sung người tham gia tố tụng gồm bà Đỗ Thị D1 và ông Nguyễn Ngọc D với tư cách là “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” trong vụ án.

- Ngày 27/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có thông báo số 02/TB-TA bổ sung người tham gia tố tụng là Tổng Công ty đầu tư P.T.Đ.T- Công ty cổ phần với tư cách là “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” trong vụ án.

- Ngày 27/8/2021, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS.

Như vậy từ khi thụ lý đến trước ngày ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm (27/8/2021), các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn không có đơn yêu cầu bổ sung, thay đổi hoặc rút một phần nội dung đơn khởi kiện, Bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 189, 191, 200, 201 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2.2. Những vi phạm tố tụng trong quá trình xét xử:

- Ngày 02/9/2021, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Công ty TNHH P.T làm đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện và yêu cầu buộc ông Vũ Duy B phải trả số tiền nợ 1.564.731.500đ là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu đối với số tiền

1.239.425.000đ. Nhưng tại phiên tòa ngày 08/10/2021 Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu ông K đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P.T cung cấp tài liệu chứng cứ để làm căn cứ cho việc bổ sung đơn khởi kiện để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

- Ngày 12/10/2021, Công ty TNHH P.T lại tiếp tục gửi đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Vũ Duy B phải trả khoản vay nợ ngày 25/8/2010 với số tiền 400.000.000đ và cam kết không khởi kiện thêm khoản nào nữa.

Ngày 12/10/2021 Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn ra Thông báo cho Công ty TNHH P.T nộp bổ sung tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 10.000.000đ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung 400.000.000đ. Ngày 13/10/2021 Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn ra Thông báo thụ lý bổ sung đơn khởi kiện số 04/TB-TLVA đối với khoản tiền 400.000.000 của Công ty TNHH P.T khởi kiện bổ sung ngày 12/10/2021 và thay đổi quan hệ từ “Tranh chấp Kinh doanh Thương mại về Hợp đồng thầu khoán” sang quan hệ “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng thầu khoán và vay tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: ... “*Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu*”... Vì vậy việc tại phiên tòa Hội đồng xét xử liên tiếp 02 lần chấp nhận đơn yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, là vi phạm quy định của khoản 1 Điều 244 và không phù hợp với khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, làm mất quyền và nghĩa vụ của các đương sự khác trong vụ án theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự

- Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 02/12/2021 đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Luyện Hữu K về việc vay tài sản. Buộc ông Vũ Duy B phải có trách nhiệm trả cho ông Luyện Hữu K số tiền: 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng nợ tiền thầu khoán của ông Luyện Hữu K, đối với khoản tiền tại giấy cam kết ngày 16/10/2012 với số tiền: 893.438.000đ và tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/12/2013 với số tiền: 280.987.000đ.

Buộc ông Luyện Hữu K phải có trách nhiệm trả lại số tiền: 512.403.175đ (Năm trăm mười hai triệu, bốn trăm linh ba nghìn, một trăm bảy lăm đồng) cho Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần Thanh Hóa.

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 14/12/2021, Hội đồng xét xử ra Quyết định số 03/2021/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung Bản án về phần quyết định như sau:

...Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng nợ tiền thầu khoán của ông Luyện Hữu K, đối với khoản tiền tại giấy cam kết ngày 16/10/2012 với số tiền: 893.438.000đ và tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/12/2013 với số tiền: 280.987.000đ.

Buộc ông Luyện Hữu K phải có trách nhiệm trả lại số tiền: 512.403.175đ

(Năm trăm mười hai triệu, bốn trăm linh ba nghìn, một trăm bảy lăm đồng) cho Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần Thanh Hóa...”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Luyện Hữu K, đối với khoản tiền thù khoán là với số tiền: 893.438.000đ và 280.987.000đ là phù hợp.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã bỏ phần quyết định: *Buộc ông Luyện Hữu K phải có trách nhiệm trả lại số tiền 512.403.175đ cho Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần Thanh Hóa.*

Nhưng phần nhận định trong bản án của Hội đồng xét xử (BL366) đã nêu: *...Chấp nhận số tiền 512.403.175 đồng do Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần chuyển thừa cho ông K nên ông K phải có trách nhiệm trả lại cho Tổng Công ty để Tổng Công ty đối trừ bớt nợ cho ông B vì hiện nay ông B còn nợ tiền Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T. Nên yêu cầu này của Tổng Cty đô thị là có căn cứ nên được chấp nhận...*

Tại Biên bản Nghị án vào hồi 11 giờ 20 phút ngày 11/12/2021, Hội đồng xét xử đã nghị án và biểu quyết 3/3 thành viên, trong đó có nội dung:

...Buộc ông Luyện Hữu K phải có trách nhiệm trả lại số tiền: 512.403.175đ (Năm trăm mười hai triệu, bốn trăm linh ba nghìn, một trăm bảy lăm đồng) cho Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần Thanh Hóa...

Căn cứ khoản 1 Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về sửa chữa, bổ sung bản án: *“Sau khi tuyên án xong thì không được sửa chữa, bổ sung bản án, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai”*. Nhưng Hội đồng xét xử vẫn ra Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án và bỏ phần quyết định nêu trên, làm thay đổi nội dung vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Quyết định sửa chữa bổ sung bản án của cấp sơ thẩm là không hợp lệ nên không được chấp nhận.

- Quá trình tiến hành thụ lý, giải quyết, Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần được bổ sung tham gia tố tụng với tư cách là *“Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án”* không có yêu cầu độc lập nhưng Hội đồng xét xử vẫn nhận định, đánh giá và chấp nhận *“Buộc ông Luyện Hữu K phải có trách nhiệm trả lại số tiền: 512.403.175đ”* là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 73, Điều 201 và trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó tại phiên tòa phúc thẩm, Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần là *“Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án”* làm đơn yêu cầu xem xét buộc ông Luyện Hữu K *“Nguyên đơn trong vụ án”* trả lại số tiền này là không đúng quy định nên không được xem xét. Tổng Công ty đầu tư và P.T.Đ.T- Công ty cổ phần sẽ được xem xét, thụ lý đơn yêu cầu độc lập tại giai đoạn sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2.3. Từ những phân tích đánh giá nêu trên: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm trong quá trình xét xử có nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng, làm mất quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được. Do đó các nội dung kháng cáo của các đương sự,

kháng nghị của Viện kiểm sát không thể giải quyết được tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của Cty TNHH P.T và ông Vũ Duy B, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn. Hủy bản án sơ thẩm 18/2021/DS-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn và giao hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm để thụ lý, giải quyết, xét xử lại theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Án phí: - Do bản án bị hủy nên các đương sự kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Đối với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm của Cty TNHH P.T đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Sầm Sơn sẽ được xem xét quyết định trong quá trình giải quyết lại vụ án tại cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn; Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH P.T và ông Vũ Duy B. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí phúc thẩm: Do bản án bị hủy để giải quyết lại nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn cho Công Ty TNHH P.T (Biên lai thu tiền số 0013175 ngày 24/12/2021).

- Án phí sơ thẩm: Sẽ được xem xét, quyết định trong quá trình giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP Sầm Sơn;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Hùng

